

Bản án số: 36/2018/HNGĐ-ST
Ngày 24-7-2018
V/v tranh chấp ly hôn, về nuôi con

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU – TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trang Thái Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Xuân Thanh;
2. Ông Nguyễn Văn Tèo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Tiến Danh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 154/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2018 về “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đặng Hồng A, sinh năm 1976. Địa chỉ cư trú: Khu phố X, thị trấn Y, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Dương Châu M, sinh năm 1976. Địa chỉ cư trú: Khu phố X, thị trấn Y, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11-5-2018 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Đặng Hồng A trình bày:

Chị và anh Dương Châu M kết hôn vào năm 2002, có đăng ký kết hôn và được UBND xã G, huyện TB, tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 722 ngày 27-12-2002. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2013 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh M thường xuyên uống rượu mặc dù chị đã khuyên can nhiều lần nhưng anh M không thay đổi. Có lần anh M uống rượu về dùng tay bóp cổ và dùng dao đe dọa giết chị. Từ đó dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên chị nộp đơn ly hôn với anh M vào năm 2017 tại Tòa án. Sau đó, chị có rút đơn để anh M có thời gian thay đổi, tuy nhiên đến nay anh M vẫn không thay đổi. Vợ chồng ly thân và sống riêng hơn 06 tháng nay. Xét thấy tình cảm không còn, không thể hàn gắn và thời gian ly

thân đã lâu nên chị yêu cầu ly hôn với anh Dương Châu M.

- Về con chung: Chị và anh M có hai con chung tên Dương Minh T, sinh ngày 27-01-2004 và Dương Hồng C, sinh ngày 01-01-2009; hiện cháu T đang sống với anh M, cháu C đang sống với chị. Chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu C, giao cháu T cho anh M tiếp tục nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Chị cam kết vợ chồng không có nợ ai.

Bị đơn anh Dương Châu M trình bày: Về quan hệ hôn nhân đúng như lời trình bày của chị A. Anh và chị A kết hôn vào năm 2002 tại UBND xã G, huyện TB, tỉnh Tây Ninh, có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Anh thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn cách đây 05 năm, nguyên nhân là do chị A thường xuyên đi làm về trễ, từ đó anh nghi ngờ tình cảm nên buồn và thường xuyên uống rượu. Mỗi lần uống rượu về nhà vợ chồng có gây gổ, có lần do mất kiểm soát hành vi nên anh có dùng dao đe dọa chị A. Đến năm 2017, chị A nộp đơn xin ly hôn nhưng qua hòa giải chị A rút đơn để vợ chồng hàn gắn nhưng từ đó đến nay giữa anh và chị A không hòa giải được. Vợ chồng ly thân và sống riêng hơn 06 tháng nay. Tuy nhiên, anh vẫn còn thương yêu vợ, con và xét thấy mâu thuẫn vợ chồng không lớn, có thể hàn gắn nên anh không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A. Anh yêu cầu đoàn tụ.

- Về con chung: Anh và chị A có hai con chung tên Dương Minh T, sinh ngày 27-01-2004 và Dương Hồng C, sinh ngày 01-01-2009; hiện cháu T đang sống với anh, cháu C đang sống với chị A. Nếu ly hôn, anh yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T, giao cháu C cho chị A nuôi dưỡng; không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh và chị A không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Anh cam kết vợ chồng không có nợ ai.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng qui định pháp luật.

Về nội dung: Chị Anh và anh M kết hôn và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn đã hơn 05 năm, đến năm 2017 chị A nộp đơn yêu cầu ly hôn với anh M, sau đó chị A rút đơn để hòa giải đoàn tụ nhưng không thành cho đến nay. Ngoài ra, anh M thừa nhận có hành vi bạo lực gia đình đối với chị A. Xét thấy hôn nhân giữa chị A và anh M đã lâm vào tình trạng trầm trọng do đó yêu cầu ly hôn của chị A là có căn cứ. Về con chung, chị A và anh M thống nhất có hai con chung tên Dương Minh T, sinh ngày 27-01-2004 và Dương Hồng C, sinh ngày 01-01-2009. Quá trình làm việc, cháu T và cháu C có nguyện vọng sống với chị A; tuy nhiên, chị A chưa có nơi ở ổn định, thu nhập không đủ để nuôi hai con chung nên giao cháu T cho anh M, giao cháu C cho chị A nuôi để đảm bảo quyền lợi cho hai cháu. Đối với tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị A đối với anh M.

Về án phí: Buộc chị A phải chịu án phí; anh M không phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các bên cung cấp và qua kết quả thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Đặng Hồng A có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Dương Châu M; anh M có địa chỉ cư trú tại huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh nên Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu thụ lý và giải quyết là đúng theo qui định tại Điều 28, 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị A và anh M kết hôn vào năm 2002, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 722 ngày 27-12-2002 tại UBND xã G, huyện TB, tỉnh Tây Ninh là hôn nhân hợp pháp. Về nguyên nhân mâu thuẫn, chị A cho rằng anh M thường xuyên uống rượu và có hành vi bạo lực gia đình nên vợ chồng ly thân từ tháng 01 năm 2018 cho đến nay. Quá trình làm việc anh M cũng thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn gia đình xuất phát từ anh M, anh M yêu cầu đoàn tụ nhưng anh M không có biện pháp nào để khắc phục, hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị A và anh M là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị A là có căn cứ chấp nhận theo qui định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị A và anh M thống nhất có hai con chung tên Dương Minh T, sinh ngày 27-01-2004 và Dương Hồng C, sinh ngày 01-01-2009; cháu T đang sống với anh M, cháu C đang sống với chị A. Quá trình làm việc, cháu T, cháu C đều có nguyện vọng sống với chị A. Tuy nhiên, hiện nay chị A không có nơi ở ổn định, thu nhập không đủ nuôi hai con nên cần giao cháu T cho anh M nuôi dưỡng, giao cháu C cho chị A nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu T, cháu C theo qui định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Ghi nhận chị A và anh M không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị A và anh M không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Chị Đặng Hồng A phải chịu án phí theo qui định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; anh M không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đặng Hồng A đối với anh Dương Châu M. Chị A được ly hôn với anh M.

2. Về con chung: Giao Dương Minh T, sinh ngày 27-01-2004 cho anh M; Dương Hồng C, sinh ngày 01-01-2009 cho chị Đặng Hồng A trông nom, chăm sóc,

nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị A, anh M không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Không ai được cản trở chị A, anh M trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị A và anh M không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Chị Đặng Hồng A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, cho khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị A đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: 0021434 ngày 11-5-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Anh Dương Châu M không phải chịu án phí.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Đặng Hồng A và anh Dương Châu M có quyền kháng cáo theo trình tự thủ tục phúc thẩm lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- C.c THADS huyện Bến Cầu;
- UBND xã G (lưu);
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trang Thái Châu